

(L)

**HỒ SƠ CÔNG BỐ
SẢN PHẨM NHO KHÔ
CÁNH TRẮNG
SẢN PHẨM CỦA
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÁNH
TRẮNG- XƯỞNG SẢN XUẤT**

Ninh Thuận, tháng 9 năm 2022



Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ
Cánh Trắng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 01/CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÁNH
TRẮNG - XƯỞNG SẢN XUẤT/2022**

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Chi Nhánh Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Cánh Trắng – Xưởng Sản Xuất.

Địa chỉ: Khu phố 6, phường Văn Hải, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

Điện Thoại: 0933183718

Email: congtycanhtrang@gmail.com

Mã số: 0312761063 - 001

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 59/2021/NNPTNT-NT, ngày cấp 09/11/2021; nơi cấp Chi cục Quản Lý Chất Lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Ninh Thuận.

II. Thông tin về sản phẩm.

1. Tên Sản Phẩm: NHO KHÔ CÁNH TRẮNG
2. Thành phần: nho đỏ tươi 100%
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì
 - 4.1 Quy cách bao gói: khối lượng tịnh: 100g, 150g, 200g, 250g, 500g, 1000g
 - 4.2 Chất liệu bao bì: Bao PE
 - 4.3 Chỉ tiêu cảm quan : màu nâu đen, mùi vị đặc trưng, trạng thái là dạng quả sấy khô.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm.

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo: QCVN 8-1: 2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm; QCVN 8-2: 2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm; Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19 tháng 12 năm 2007 của Bộ Y tế quy định về giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.

Ninh Thuận, ngày 14 tháng 9 năm 2022

Giám đốc



Hồ Ngọc Đồng

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH**

Mã số chi nhánh: 0312761063-001

Đăng ký lần đầu, ngày 02 tháng 01 năm 2018

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 06 tháng 04 năm 2023

1. Tên chi nhánh:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÁNH TRẮNG -
XUỞNG SẢN XUẤT

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên chi nhánh viết tắt:

2. Địa chỉ:

Khu phố 6, Phường Văn Hải, TP. Phan Rang-Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

Điện thoại: 0883 34355

Fax:

Email:

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: HỒ NGỌC ĐỒNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 09/08/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 264283698

Ngày cấp: 19/05/2016

Nơi cấp: CA. Ninh Thuận

Địa chỉ thường trú: Thôn Đá Bắn, Xã Hộ Hải, Huyện Ninh Hải, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Đá Bắn, Xã Hộ Hải, Huyện Ninh Hải, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÁNH TRẮNG

Mã số doanh nghiệp: 0312761063

Địa chỉ trụ sở chính: 575/86 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 02, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0312761063

Đăng ký lần đầu: ngày 28 tháng 04 năm 2014

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 06 tháng 11 năm 2019

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÁNH TRẮNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CANH TRANG SERVICE TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TM DV CÁNH TRẮNG

2. Địa chỉ trụ sở chính

575/86 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 02, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 0933183718

Fax:

Email: congtycanhtrang@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ

1.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	HỒ NGỌC ĐỒNG	Thôn Đá Bắn, Xã Hộ Hải, Huyện Ninh Hải, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	600.000.000	60,000	264283698	
2	HUYNH THỊ MỸ OANH	Thôn Đá Bắn, Xã Hộ Hải, Huyện Ninh Hải, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	400.000.000	40,000	264547193	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

TRƯỜNG PHÒNG
Phó Trưởng Phòng

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
PHÒNG
ĐĂNG KÝ
KINH DOANH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hoàng Sơn

CHỈ CỤC TRƯỞNG

Đương Đình Phương



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



P 1/2 - MM32208.271103431

Mã số mẫu/ Sample code BN32208.27110343 MM32208.271103431	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMKD 03/1 - LBH 01 Ngày/ Date: 13/09/2022
---	--	--

Tên khách hàng/ Customer : CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÁNH TRẮNG-XUỐNG SẢN XUẤT

Địa chỉ/ Address : KHU PHỐ 6, PHƯỜNG VĂN HẢI, THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN, VIỆT NAM

Tên mẫu/ Name of sample : NHO KHÔ CÁNH TRẮNG

Số lượng/ Quantity : 1

Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong túi nhựa.

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/08/2022

Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 12/09/2022

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	As	mg/kg	< MQL =0,03	AOAC 986.15 (*)
2	Pb	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,2	CASE.TN.0018 (Ref. AOAC 999.11) (*)
3	Cảm quan	.	Dạng quả sấy khô, màu nâu đen, mùi vị đặc trưng của sản phẩm.	CASE.NS.0204
4	Độ ẩm	%	9,76	CASE.NS.0119 (FAO 14/7 p.208, 1986) (*)
5	Đường tổng số	%	60,7	TCVN 4594:1988 (*)
6	Aflatoxin	µg/kg	Aflatoxin B1: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin B2: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin G1: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin G2: Không phát hiện, MDL = 0,1	CASE.SK.0018 (HPLC) (*)
7	Aflatoxin B1	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,1	CASE.SK.0018 (HPLC) (*)

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH CN CẦN THƠ VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

(9) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM (9) F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ (9) STH-2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

(4) 18001105 (4) (84.292) 3918217 - 3918 218 (4) (84.258) 246 5255

(8) (84.28) 3911 7216 (8) kinhdoanhcantho@case.vn ; nhanmaucantho@case.vn ; (8) (84.258) 246 5355

(8) casehcm@case.vn (8) ketoancantho@case.vn (8) vanphongmientrung@case.vn

P 2/2 - MM32208.271103431

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
8	Ochratoxin A	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,1	CASE.SK.0069 (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.
MDL Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.
MQL Ngưỡng định lượng của phương pháp/ Method Quantification Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Trần Thị Hiền

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION



Nguyễn Hoàng Ngọc Hân

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH CN CẦN THƠ VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

(9) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM (9) F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ (9) STH-2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

(4) 18001105 (4) (84.292) 3918217 - 3918 218 (4) (84.258) 246 5255

(8) (84.28) 3911 7216 (8) kinhdoanhcantho@case.vn ; nhanmaucantho@case.vn ; (8) (84.258) 246 5355

(8) casehcm@case.vn (8) ketoancantho@case.vn (8) vanphongmientrung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



P 1/1 - MM32208.271103431

Mã số mẫu/ Sample code
BN32208.27110343
MM32208.271103431

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

BMKD 03/1 - LBH 01
Ngày/ Date: 13/09/2022

Tên khách hàng/ Customer : CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CẢNH TRẮNG-XUỞNG SẢN XUẤT
Địa chỉ/ Address : KHU PHỐ 6, PHƯỜNG VĂN HẢI, THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN, VIỆT NAM
Tên mẫu/ Name of sample : NHO KHÔ CẢNH TRẮNG
Số lượng/ Quantity : 1
Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong túi nhựa.
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/08/2022
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 12/09/2022

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Escherichia coli	CFU/g	< 10	ISO 16649-2:2001 (*)
2	Salmonella spp.	/25g	Không phát hiện	TCVN 8342:2010 (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.
Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/mL khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/
According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/mL when the dish contains no colony.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION



Nguyễn Hoàng Ngọc Hân

Th.S Trương Huỳnh Anh Vũ

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH

02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

18001105

(84.28) 3911 7216

casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

(84.292) 3918217 - 3918 218

kinhdoanhcantho@case.vn; nhanmaucantho@case.vn;

ketoancantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

STH-2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

(84.258) 246 5255

(84.258) 246 5355

vanphongmientrung@case.vn





KT3-08974ATP8

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/08/2018
Trang 01/02

1. Tên mẫu : NHO SÁY KHÔ CÁNH TRẮNG
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
3. Số lượng mẫu : 01
4. Ngày nhận mẫu : 09/08/2018
5. Thời gian thử nghiệm : 10/08/2018 - 20/08/2018
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÁNH TRẮNG -
XUỞNG SẢN XUẤT
Khu Phố 6, Phường Văn Hải, TP. Phan Rang - Tháp Chàm,
Ninh Thuận
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 02/02

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM

Nguyễn Thành Công



Ngô Quốc Việt

KT3-08974ATP8

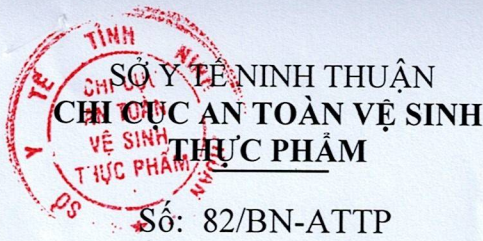
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/08/2018
Trang 02/02

7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm
7.1. Cảm quan - Trạng thái - Màu sắc - Mùi vị	Tk. TCVN 4410:1987	-	Dạng rắn Màu đen đặc trưng của sản phẩm Đặc trưng của sản phẩm, không có mùi vị lạ
7.2. Độ ẩm, g/100 g	FAO FNP 14/7 (p.205)-1986	-	19,2
7.3. Hàm lượng đường tổng qui ra glucose, g/100 g	QTTN/KT3 178:2017	-	54,9
7.4. Hàm lượng chì, mg/kg	QTTN/KT3 098:2016	0,03	Không phát hiện
7.5. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg	TCVN 8427:2010	0,01	Không phát hiện
7.6. Hàm lượng aflatoxin B ₁ , µg/kg	AOAC 2016 (991.31)	0,24	Không phát hiện
7.7. Hàm lượng aflatoxin (B ₁ +B ₂ +G ₁ +G ₂), µg/kg	AOAC 2016 (991.31)	0,10	Không phát hiện
7.8. Hàm lượng ochratoxin A, µg/kg	AOAC 2016 (2000.03)	0,3	Không phát hiện
7.9. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, CFU/g	ISO 4833-1:2013	-	1,9 x 10 ³
7.10. Coliform, CFU/g	ISO 4832:2006	-	Nhỏ hơn 10 ^(*)
7.11. E. Coli/g	ISO 16649-3:2015	-	Âm tính
7.12. Clostridium perfringens, CFU/g	ISO 7937:2004	-	Nhỏ hơn 10 ^(*)
7.13. Bacillus cereus giả định, CFU/g	ISO 7932:2004	-	Nhỏ hơn 10 ^(*)
7.14. Tổng số nấm men, CFU/g	ISO 21527-2:2008	-	Nhỏ hơn 10 ^(*)
7.15. Tổng số nấm mốc, CFU/g	ISO 21527-2:2008	-	Nhỏ hơn 10 ^(*)

Ghi chú: (*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ninh Thuận, ngày 15 tháng 9 năm 2022

GIẤY BIÊN NHẬN

Họ và tên người nộp hồ sơ: Hồ Ngọc Đồng

Điện thoại: 0933183718

Đại diện cho cơ sở: Chi nhánh Công ty TNHH TMDV Cánh Trắng – Xưởng sản xuất

Tên sản phẩm: NHO KHÔ CÁNH TRẮNG

Địa chỉ: Khu phố 6, phường Văn Hải, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Đã nộp 01 tập hồ sơ tự công bố sản phẩm có đóng dấu giáp lai (nếu có), thành phần hồ sơ bao gồm:

TT	Thành phần hồ sơ:	Có/không
1	Bản tự công bố sản phẩm	Có
2	Phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm của sản phẩm trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ (bản chính hoặc bản sao chứng thực)	Có
3	Nhãn sản phẩm dự thảo	Có
4	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Có
5	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP	Có
6	Tài liệu khác liên quan:	/

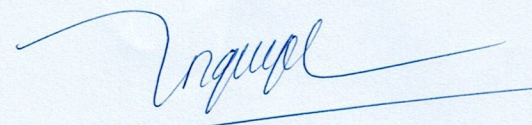
Ghi chú:

- Chỉ cục An toàn vệ sinh thực phẩm chỉ tiếp nhận và lưu hồ sơ tự công bố sản phẩm, không soát xét tính chất đúng/sai của hồ sơ. Việc đúng/sai của hồ sơ chờ cơ quan hậu kiểm.
- Ngay sau khi tự công bố sản phẩm, tổ chức, cá nhân được quyền sản xuất, kinh doanh sản phẩm và chịu trách nhiệm hoàn toàn về an toàn của sản phẩm đó.
- Trường hợp sản phẩm có sự thay đổi về tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo thì tổ chức, cá nhân phải tự công bố lại sản phẩm. Các trường hợp có sự thay đổi khác, tổ chức, cá nhân thông báo bằng văn bản về nội dung thay đổi đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và được sản xuất, kinh doanh sản phẩm ngay sau khi gửi thông báo.

Người nộp hồ sơ
(Ký, ghi rõ họ tên)


Hồ Ngọc Đồng

Người nhận hồ sơ
(Ký, ghi rõ họ tên)


Đặng Thị Thu Nguyệt

MINISTRY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

DIRECTORATE FOR STANDARDS,
METROLOGY AND QUALITY

Based on the Decree No 74/2018/NĐ-CP dated 15/5/2018 of the Government,

CERTIFYING

CANH TRANG SERVICE TRADING COMPANY LIMITED

Address: 575/86 Nguyen Dinh Chieu, Ward 02, District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam

to have right of using the following article number until the date: 08/07/2024

893 8539910

for the products/services/locations.

Hanoi, 08/07/2021
DIRECTOR GENERAL

Tran Van Vinh

Registered No: B053773
Reference No: 2105/21

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Căn cứ Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ,

CHỨNG NHẬN

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÁNH TRẮNG

Địa chỉ: 575/86 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 02, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

được quyền sử dụng mã số sau đây đến ngày: 08/07/2024

893 8539910

cho các sản phẩm/ dịch vụ/ địa điểm của mình.

Hà Nội, 08/07/2021
TỔNG CỤC TRƯỞNG



Số giấy phép: B053773
Số đăng ký: 2105/21

PHỤ LỤC I

MẪU BẢN CAM KẾT SẢN XUẤT, KINH DOANH THỰC PHẨM AN TOÀN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phan Rang, ngày 26 tháng 12 năm 2024

BẢN CAM KẾT

Sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn

Kính gửi: Ủy ban nhân dân Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm

Tôi là: Huỳnh Thanh Liêm. Sinh ngày: 25/09/1994

Số chứng minh thư hoặc thẻ căn cước hoặc mã số định danh công dân: 058094004842

Ngày cấp: 09/05/2021 Nơi cấp: Cục Trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Chủ hộ nông dân: Huỳnh Thanh Liêm

Địa điểm sản xuất, kinh doanh: KP6, Văn Hải, TP.Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Địa chỉ liên hệ: KP6, Văn Hải, TP.Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Điện thoại:

Fax: 0971958584 E-mail

Mặt hàng sản xuất, kinh doanh: Trồng Nho, Táo trong tỉnh Ninh Thuận

Nơi tiêu thụ sản phẩm: Trong nước

Tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các yêu cầu bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành trong:

Trồng trọt x

Chăn nuôi ☐

Nuôi trồng thủy sản ☐

Khai thác, sản xuất muối ☐

Nếu có vi phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bản cam kết này được làm thành 02 bản có giá trị như nhau, cơ quan quản lý giữ 01 bản, chủ hộ giữ 01 bản.

**Xác nhận của Cơ quan tiếp nhận
bản cam kết
(Ký tên, đóng dấu)**



**Chủ hộ nông dân
(Ký, ghi rõ họ tên)**

Huỳnh Thanh Liêm

Huỳnh Thanh Liêm

PHỤ LỤC I

MẪU BẢN CAM KẾT SẢN XUẤT, KINH DOANH THỰC PHẨM AN TOÀN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phan Rang, ngày tháng năm 2024

BẢN CAM KẾT

Sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn

Kính gửi: Ủy ban nhân dân Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm

Tôi là: Trương Thị Thu Thủy. Sinh ngày: 27/06/1977

Số chứng minh thư hoặc thẻ căn cước hoặc mã số định danh công dân: 058177006612

Ngày cấp: 27/06/2021 Nơi cấp: Cục Trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Chủ hộ nông dân: Trương Thị Thu Thủy

Địa điểm sản xuất, kinh doanh: Thành Hải, TP.Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Địa chỉ liên hệ: Thành Hải, TP.Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Điện thoại:

Fax: E-mail

Mặt hàng sản xuất, kinh doanh: Trồng Nho, Táo trong tỉnh Ninh Thuận

Nơi tiêu thụ sản phẩm: Trong nước

Tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các yêu cầu bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành trong:

Trồng trọt x

Chăn nuôi ☐

Nuôi trồng thủy sản ☐

Khai thác, sản xuất muối ☐

Nếu có vi phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bản cam kết này được làm thành 02 bản có giá trị như nhau, cơ quan quản lý giữ 01 bản, chủ hộ giữ 01 bản.

**Xác nhận của Cơ quan tiếp nhận
bản cam kết
(Ký tên, đóng dấu)**



Thành Hải, ngày 30 tháng 12 năm 2024
TM. UBND XÃ THÀNH HẢI
CHỦ TỊCH

Cao Hoàng Vũ Sanh

**Chủ hộ nông dân
(Ký, ghi rõ họ tên)**

Thủy

Trương Thị Thu Thủy



BIÊN BẢN KHẢO SÁT/AUDIT REPORT

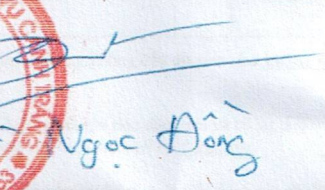
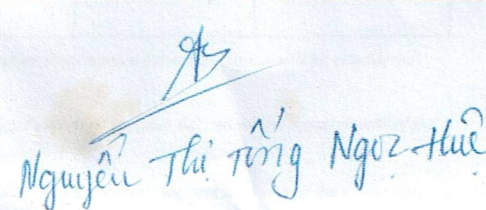
Cho/For

Công ty TNHH TM DỊCH VỤ CẢNH TRẮNG

Loại đánh giá/Type of Audit: Khảo sát định kỳ
Ngày đánh giá/Date: 29/03/2024
Tiêu chuẩn/Standard: Saigon Co.op
Thành phần đoàn khảo sát/Auditor: 1. Nguyễn Thị Tổng Ngọc Huệ - Chuyên viên P.QLCL
2. Đạo Sỹ Hồng Hạ - TT.TPCN

Đại diện Nhà cung cấp/: Hồ Ngọc Đồng- Giám đốc
Supplier's Rep:

Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ SỞ/SUPPLIER REPRESENTATION 'S OPINIONS

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC KHẢO SÁT Supplier Representative Signature & Date	ĐẠI DIỆN BÊN KHẢO SÁT Auditor Signature & Date
 Hồ Ngọc Đồng	 Nguyễn Thị Tổng Ngọc Huệ



LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI TPHCM - SAIGON CO.OP
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG - QUALITY DEPARMENT
KẾT QUẢ KHẢO SÁT NHÀ CUNG CẤP - SUPPLIER AUDIT RESULT

1. THÔNG TIN NHÀ CUNG CẤP/SUPPLIER INFORMATION						
Tên cơ sở/Supplier name	Chi nhánh Công ty TNHH TM DỊCH VỤ CẢNH TRẮNG-Xưởng sản xuất				Mã NCC/Vendor	
Địa chỉ/Address	Khu phố 6, phường Văn Hải, TP PRTC-Tỉnh Ninh Thuận				21788	
Đơn vị gia công (nếu có)/Processor	Không có					
Địa chỉ nơi gia công/Address	Không có					
Người đại diện cơ sở/Representative	1. Hồ Ngọc Đồng - Giám đốc 2. - Phó giám đốc					
Số điện thoại liên lạc/Phone number			Email address:			
Loại hình kinh doanh/Supplier type	Sản xuất kinh doanh					
Loại sản phẩm/Product Categories	Mù Trôm, Táo Sậy, Mật nho, Nho khô, rong sụn					
Mặt hàng sản xuất/Principal Products:	Mù Trôm, nho khô, rong sụn, táo sậy					
Sản lượng/Quantity	20 tấn/năm					
2. THÔNG TIN KHẢO SÁT/AUDIT INFORMATION						
Khảo sát viên/Auditor	Ngày khảo sát/Audit date					
1. Nguyễn Thị Tổng Ngọc Huệ-QA	Tình trạng NCC/ Assessment Type		NCC mới/ Initial		☐	
NCC định kỳ/Recurrent			☒			
NCC vi phạm chất lượng/ Quality violation			☐			
2. Đạo Sỹ Hồng Hạ -TT.TPCN						
3.						
Nhân sự theo dõi hồ sơ khắc phục/Personnel in charge	Nguyễn Văn C		Email address:		c-nv@saigonco-op.com.vn	
3. KẾT QUẢ KHẢO SÁT/ASSESSMENT RESULTS						
Hạng mục/Items	A	B	C	N/A	Tổng/Totals	Tỉ lệ/Ratio
I. Hồ sơ pháp lý/Legal documents (*)	5	0	0	5	10	100.0
II. Hồ sơ chất lượng/Quality documents (*)	3	0	0	1	4	100.0
III. Hồ sơ quản lý sản xuất /Manufacturing control records	5	0	0	21	26	100.0
IV. Điều kiện sản xuất/Manufacturing conditions	6	0	0	0	6	100.0
Tổng kết/Overall Score	19	0	0	27	46	100.0
V. Điểm cộng/Bonus points					0	

(*) : Chỉ tiêu bắt buộc, có thực hiện nhưng không đầy đủ xem như không đạt/Required targets, if supplier implemented but incomplete, it will be considered unmet.
Điểm A: đảm bảo đầy đủ các yêu cầu của chỉ tiêu đánh giá và có sự duy trì → điểm quy đổi là 02 điểm/Point A: If supplier fully meets the requirements of the assessment criteria and maintains it, the score will be 02 points.
Điểm B: không đảm bảo một trong các yêu cầu của chỉ tiêu đánh giá → điểm quy đổi là 01 điểm/Point B: If the supplier does not meet one of the evaluation criteria's requirements, the score will be 01 point.
Điểm C: không đảm bảo tất cả các yêu cầu của chỉ tiêu đánh giá/ thực hiện đối phó thiếu sự duy trì → điểm quy đổi là 0 điểm/Point C: If the supplier does not ensure all requirements of the evaluation criteria or perform countermeasures, the score will be 0 point.
N/A: Tiêu chí không áp dụng/Criteria is not applicable

4. XẾP LOẠI VÀ KẾ HOẠCH KHẢO SÁT/CLASSIFICATION AND PLANNING

Nội dung/Content	Điểm tổng (%)/ Final Assessment Score	Kết luận/Conclusion	Xếp loại/ Classification	Thời hạn/ Deadline
Kết quả/Audit Result	100.0	PASSED	ĐẠT	-

Đạt : Không có góp ý khắc phục và tổng điểm quy đổi $\geq 100\%$ /Pass: The supplier does not recieve comments from the evaluation team for improvement and total score $\geq 100\%$

Cần điều chỉnh: Không có chỉ tiêu bắt buộc không đạt và tổng số điểm quy đổi $< 100\%$ /Needs adjustment: The supplier does not have a unmet mandatory criteria and total score $< 100\%$

Không đạt: Có từ 01 chỉ tiêu bắt buộc không đạt/Fail: The supplier has at least 01 mandatory target that is not met

Thời gian khắc phục: đối với các chỉ tiêu không bắt buộc là 45 ngày kể từ ngày khảo sát/ For non-mandatory criteria is 45 days from the date of survey.
 Nếu sau thời gian trên, NCC không phản hồi hoặc phản hồi không đầy đủ cho Saigon Co.op về kết quả khắc phục thì xem như điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm tại cơ sở là không đạt./After this time, if the supplier does not respond or provide incomplete feedback to Saigon Co.op about the remedial results, the food safety and hygiene conditions at the facility are considered fail.
 Trường hợp nếu NCC phản hồi xin gia hạn thêm thời gian cho khắc phục, Saigon Co.op sẽ xem xét và có phản hồi phù hợp đối với từng trường hợp cụ thể./In case the supplier responds and requests an extension of time for correction, Saigon Co.op will consider and respond appropriately for each specific case.
 Đối với cơ sở có điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm không đạt, Saigon Co.op sẽ từ chối hợp tác hoặc tạm ngưng kinh doanh./For establishments with unmet food safety and hygiene conditions, Saigon Co.op will refuse to cooperate or suspend business.

5. TỔNG QUAN KẾT QUẢ KHẢO SÁT/FINDINGS SUMMARY

5.1 Sự không phù hợp/Non-conformance		
STT/N o.	Nơi phát hiện/Location	Nội dung không phù hợp/Non-conformance content
1		
2		
3		
5.2 Yêu cầu cải tiến/Improvement		
STT/N o.	Nơi phát hiện/Location	Yêu cầu cải tiến/Improvement Action
1		
2		
3		
5.3 Khuyến nghị/ Opportunity For Improvement		
STT/N o.	Nơi phát hiện/Location	Hành động phòng ngừa/Preventive Action
1		
2		
3		



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT NINH THUẬN
 CƠ QUAN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
 SẢN PHẨM NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

Số: 171/BB-CCQLCL

BB 2.2
 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

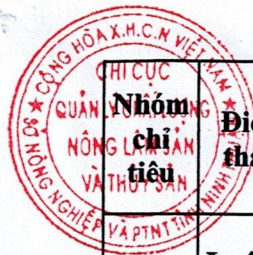
BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH
 ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM
 CƠ SỞ THU GOM, SƠ CHẾ, CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

I. THÔNG TIN CHUNG:

- Tên cơ sở: Chi nhánh Công ty TNHH TM DV Canh Tráng - Xưởng Sản Xuất
- Địa chỉ: Chu phố 6, phường Văn Hải, TP. Phan Rang - TC, Ninh Thuận
- Giấy đăng ký kinh doanh số 04176100300 ngày cấp 06/1/2023 nơi cấp SỞ KH VÀ DT
- Số điện thoại: 0933183718 Số Fax (nếu có):
- Mã số (nếu có): 0004-SCCBMS
- Mặt hàng thu gom, sơ chế, chế biến: Nho Khế, Mủ Trôm, Trắc Sậy, Mận nho, Rong Sụn
- Ngày thẩm định: 13/12/2024
- Hình thức thẩm định: Định kỳ
- Thành phần Đoàn thẩm định:
 - Bà Phan Thị Mộng Huyền - Trưởng đoàn
 - Ông Nguyễn Thiệp Sơn - Phó đoàn
 - Ông Nguyễn Thanh Vũ - Thành viên
 - Ông Nguyễn Quốc Chí - Thành viên
- Đại diện cơ sở:
 - Ông Hồ Ngọc Đăng - Chủ nhân
 -

II. NHÓM CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ:

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá				Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục
			Đạt (Ac)	Nhẹ (Mi)	Nặng (Ma)	Nghiêm trọng (Se)	
1	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm a; Điều 20, Khoản 1, Điểm a; QCKT tương ứng (nếu có):	Địa điểm sản xuất (phù hợp với quy hoạch của địa phương; có khoảng cách thích hợp với các nguồn ô nhiễm như khu dân cư, bệnh viện, nghĩa trang, khu công nghiệp... nhằm tránh bị ô nhiễm cho sản phẩm:)	✓	[]	[]		



BB 2.2

Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá				Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục
		Đạt (Ac)	Nhẹ (Mi)	Nặng (Ma)	Nghiêm trọng (Se)	
2	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm a; QCKT tương ứng (nếu có); Kết cấu nhà xưởng, bố trí sản xuất (đủ diện tích, dễ làm vệ sinh, không gây ô nhiễm cho sản phẩm; không có hiện tượng ngưng tụ hơi nước; các công đoạn sơ chế, chế biến được bố trí theo nguyên tắc 1 chiều, tránh gây ô nhiễm chéo...)	✓	[]	[]		
3	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm c; QCKT tương ứng (nếu có); Trang thiết bị sản xuất (phù hợp để sơ chế, chế biến, đóng gói, bảo quản, vận chuyển sản phẩm; trang thiết bị trực tiếp tiếp xúc với sản phẩm: không thấm nước, không gây độc cho sản phẩm, dễ làm vệ sinh...).	✓	[]	[]	[] (đối với dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với SP)	
4	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm c, đ; QCKT tương ứng (nếu có); Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị (sử dụng chất tẩy rửa nằm trong danh mục được phép sử dụng; dụng cụ làm vệ sinh, bảo trì, bảo dưỡng, có quy trình và thực hiện đúng quy trình vệ sinh nhà xưởng...)	✓	[]	[]		
5	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm e; QCKT tương ứng (nếu có); Người trực tiếp sản xuất, vệ sinh công nhân (người trực tiếp sản xuất được khám sức khỏe định kỳ; có kiến thức về ATTP; có khu vực thay bảo hộ lao động; có đủ nhà vệ sinh ở vị trí thích hợp; đủ trang thiết bị làm vệ sinh công nhân; có quy định và thực hiện đúng quy định vệ sinh công nhân...)	✓	[]	[]	[] (nếu phát hiện người trực tiếp SX có dấu hiệu bệnh)	



BB 2.2



Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá				Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục
		Đạt (Ac)	Nhẹ (Mi)	Nặng (Ma)	Nghiêm trọng (Se)	
6	Luật ATTP: Điều 10, Khoản 1, Khoản 2, Điểm a; QCKT tương ứng (nếu có); Nguyên liệu và các yếu tố đầu vào sản xuất thực phẩm (nước, nước đá đáp ứng quy định về nước ăn uống; phụ gia, chất bảo quản, chất hỗ trợ chế biến trong danh mục được phép sử dụng, bảo quản và sử dụng theo đúng quy định; nguyên liệu đáp ứng yêu cầu để sản xuất thực phẩm...)	✓	[]	[]	[]	
7	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm c; QCKT tương ứng (nếu có); Phòng, chống động vật gây hại và xử lý chất thải, nước thải (có trang thiết bị và thực hiện phòng chống động vật gây hại; có biện pháp xử lý nước thải, nước thải đáp ứng quy định trước khi xả ra môi trường; có dụng cụ/ biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn...)	✓	[]	[]		
8	Luật ATTP: Điều 18; Điều 10, Khoản 2, Điểm b,c; QCKT tương ứng (nếu có); Bao gói, ghi nhãn, bảo quản, vận chuyển (vật liệu bao gói không gây ô nhiễm cho sản phẩm; Ghi nhãn đầy đủ thông tin, đúng quy định; có nơi bảo quản, phương tiện bảo quản, vận chuyển phù hợp với từng loại sản phẩm, được sắp xếp hợp lý và vệ sinh sạch sẽ; ...)	✓	[]	[]	[] (đối với bao gói trực tiếp)	
9	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm đ; QCKT tương ứng (nếu có); Điều kiện bảo đảm ATTP và QLCL (duy trì điều kiện bảo đảm ATTP; có quy định và thực hiện thực hành sản xuất tốt (GMP), thực hành vệ sinh tốt (SOP); khuyến khích cơ sở áp dụng các chương trình QLCL tiên tiến theo HACCP, ISO 22000; riêng cơ sở sơ chế, chế biến thủy sản phải xây dựng và áp dụng HACCP)	✓	[]	[]		





BB 2.2

Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá				Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục
		Đạt (Ac)	Nhẹ (Mi)	Nặng (Ma)	Nghiêm trọng (Se)	
10	Luật ATTP: Điều 11, Khoản 2; Điều 19, Khoản 1, Điểm đ; QCKT tương ứng (nếu có);		[U]	[]		+ TG ghi chép giám sát về sinh chưa đầy đủ + HCP: Lỗi phục ngay
Tổng số nhóm chỉ tiêu được đánh giá: nhóm chỉ tiêu		10/10	01	0	0	Xếp loại: A

III. NHÓM CHỈ TIÊU KHÔNG ĐÁNH GIÁ VÀ LÝ DO:

IV. LẤY MẪU (nếu có) VÀ CHỈ ĐỊNH CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH (kèm theo Biên bản lấy mẫu):

1. Thông tin về mẫu lấy (loại mẫu; số lượng mẫu; tình trạng bao gói, bảo quản mẫu...),

2. Chỉ định chỉ tiêu phân tích:

V. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA:

1. Nhận xét về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở được thẩm định:

Tại thời điểm thẩm định cơ sở đã được lưu trữ đảm bảo ATTP.
Đề nghị chủ cơ sở khắc phục sai lỗi theo biên bản thẩm định.

2. Đề xuất xếp loại cơ sở: Xếp loại A

VI. Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ SỞ:

....., ngày 13 tháng 12 năm 2024
ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC THẨM ĐỊNH
(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày 13 tháng 12 năm 2024
TRƯỞNG ĐOÀN THẨM ĐỊNH
(Ký tên)



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU

Số: 423791

Chủ Giấy chứng nhận: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÁNH TRẮNG (VN)

575/86 Nguyễn Đình Chiểu, phường 2, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Số đơn: 4-2019-44765

Ngày nộp đơn: 07/11/2019

Cấp theo Quyết định số: 44581/QĐ-SHTT, ngày: 27/05/2022

Có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 10 năm tính từ ngày nộp đơn (có thể gia hạn).

CỤC TRƯỞNG



Đinh Hữu Phú

VN 4-0423791